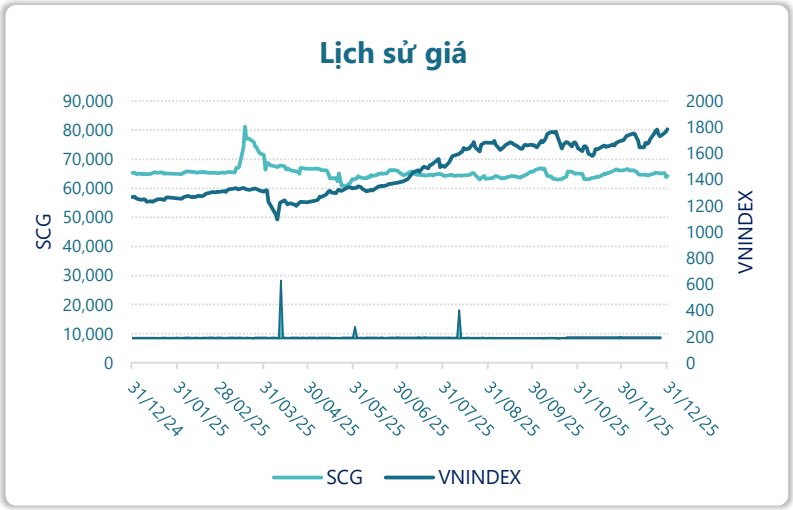
FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**64,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,700
SL cổ phiếu LH	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,255
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,457
P/E	17.2
EPS	3,738

DT thuần

Q4/25

3,181

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,880| 145%

YoY: ▲ 1,872| 143%

LN sau thuế

Q4/25

140

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.9| 93.9%

YoY: ▲ 111| 381%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

11.6%

+/- YoY: ▼ 9.0%

DT thuần

2025

6,521

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3,816| 141%

LN sau thuế

2025

318

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 120| 60.2%

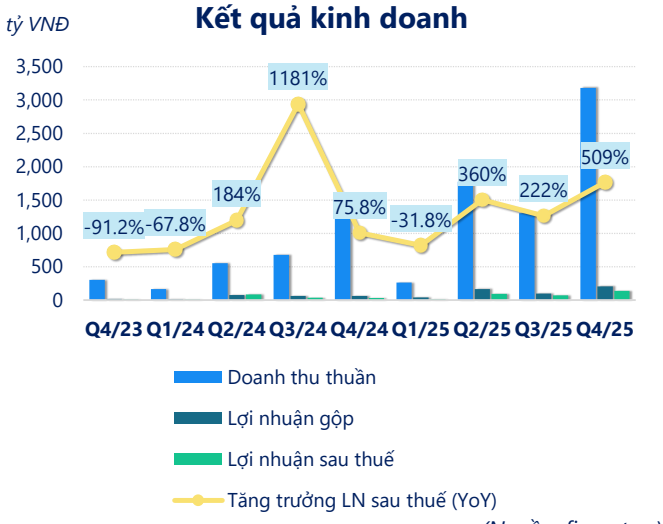
ROE

2025

20.9%

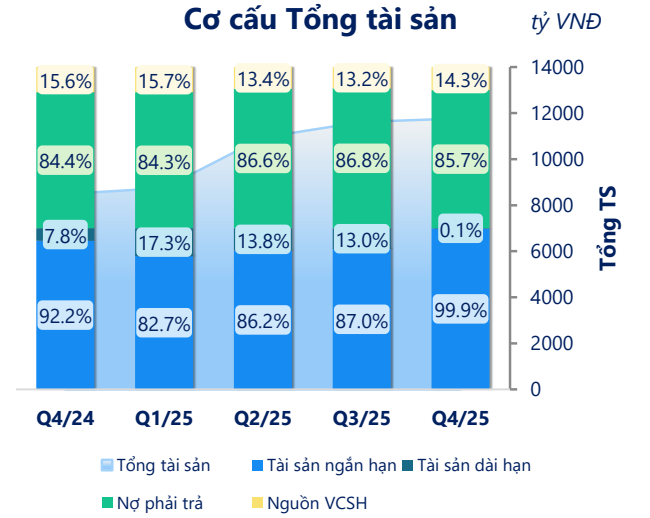
+/- YoY: ▲ 5.2%

Kết quả kinh doanh



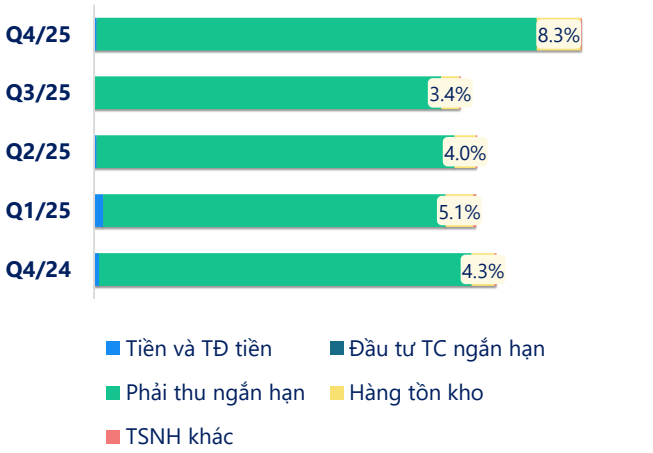
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



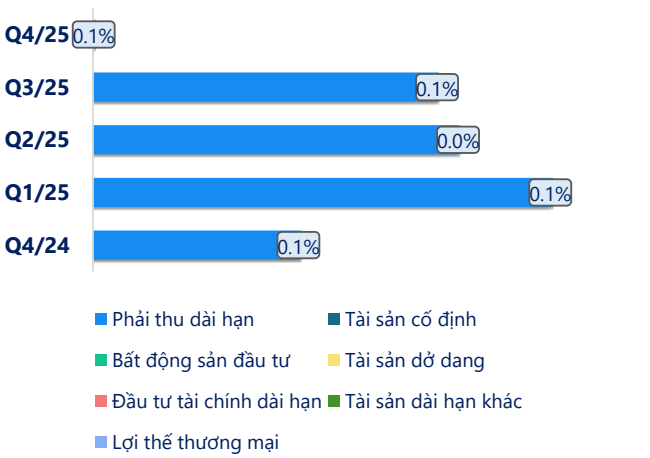
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



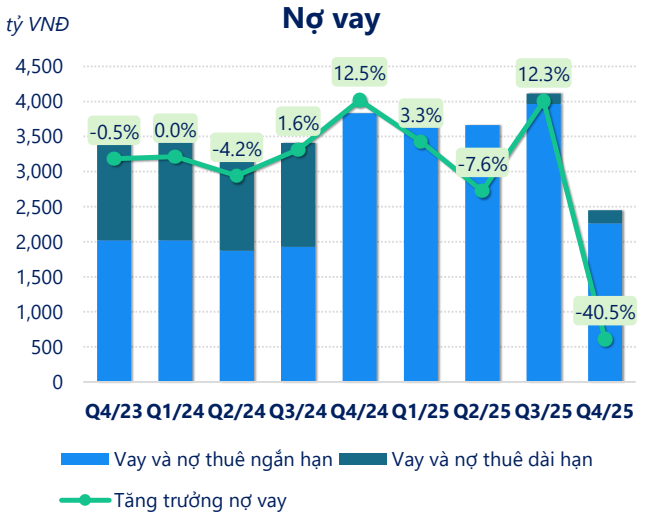
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



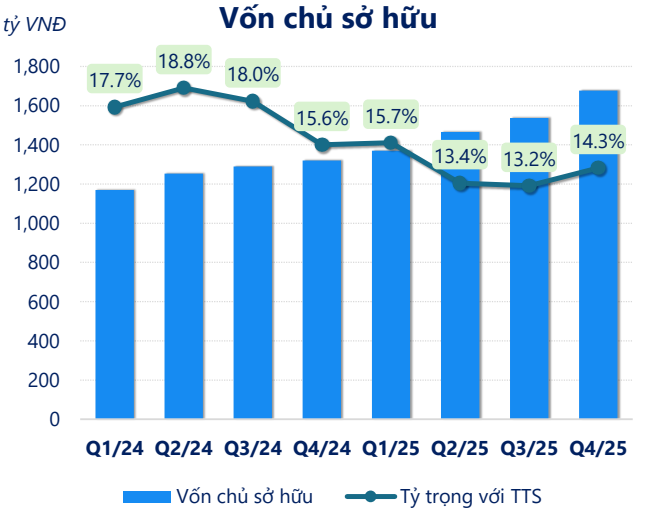
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



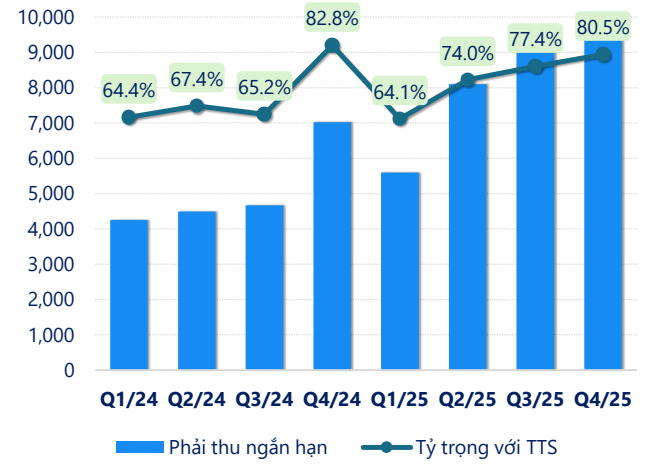
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



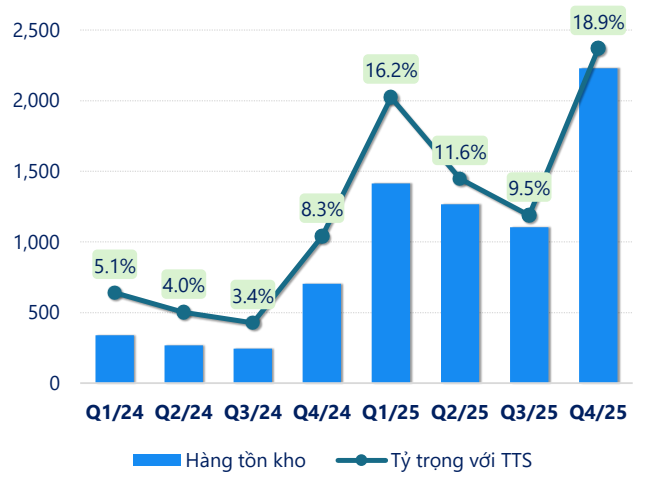
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



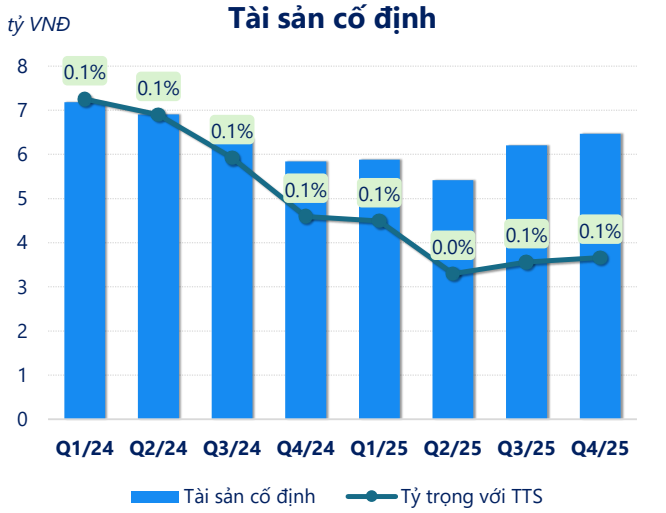
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



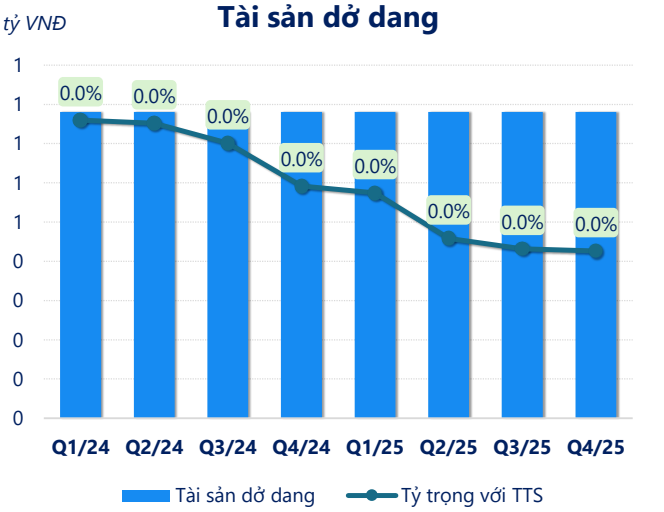
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



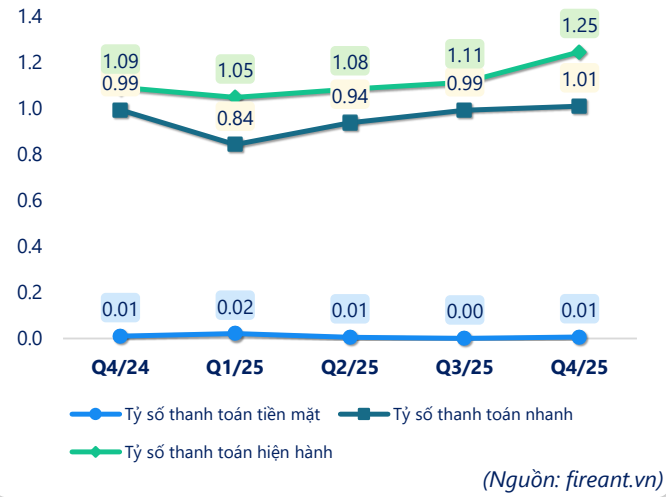
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



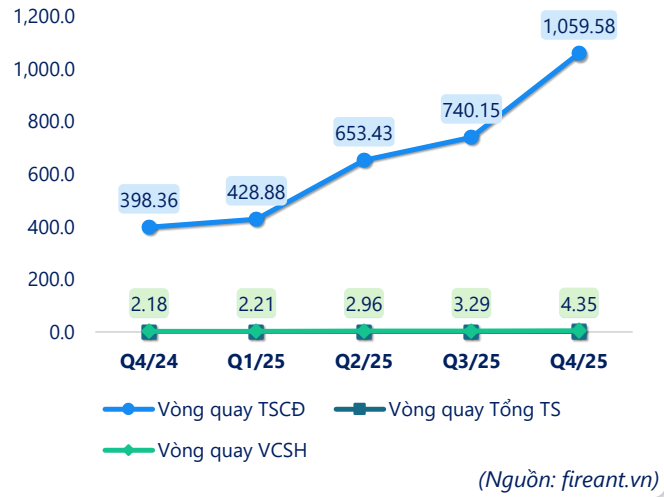
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**8,480**	**8,738**	**10,943**	**11,613**	**11,770**
Tài sản ngắn hạn	**7,815**	**7,227**	**9,431**	**10,102**	**11,758**
Tiền và tương đương tiền	78.1	148	48.8	6.41	57.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	7,018	5,597	8,102	8,991	9,471
Hàng tồn kho	704	1,414	1,267	1,103	2,229
Tài sản ngắn hạn khác	15.2	67.4	14.4	0.94	0.32
Tài sản dài hạn	**665**	**1,511**	**1,511**	**1,511**	**12.0**
Phải thu dài hạn	652	1,500	1,500	1,500	0
Tài sản cố định	5.84	5.88	5.41	6.20	6.47
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.78	0.78	0.78
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.61	4.64	5.06	4.47	4.78
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**7,160**	**7,368**	**9,477**	**10,076**	**10,093**
Nợ ngắn hạn	**7,160**	**6,895**	**8,701**	**9,065**	**9,436**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,835	3,963	3,663	3,966	2,263
Phải trả người bán ngắn hạn	1,055	874	1,048	1,090	1,219
Nợ dài hạn	0	473	777	1,011	657
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	145	184
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,319**	**1,370**	**1,465**	**1,537**	**1,677**
Vốn chủ sở hữu	**1,319**	**1,370**	**1,465**	**1,537**	**1,677**
Vốn điều lệ	850	850	850	850	850
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)